

Số: 09 /BCTr-MNQM

Quang Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

Trường mầm non Quang Minh được thành lập chuyển đổi từ trường Bán công Quang Minh sang trường Mầm non Quang Minh.

Địa chỉ: Xã Quang Minh-huyện Gia Lộc -tỉnh Hải Dương

Đại diện: Bà Phạm Minh Lê - chức vụ Hiệu trưởng.

Website của nhà trường: <https://gl-mnquangminh.haiduong.edu.vn>

Trường Mầm non Quang Minh được thành lập từ năm 1960. Trải qua 64 năm xây dựng, đến nay nhà trường đã phát triển mạnh mẽ về số lượng và chất lượng. Trường đã có 46 năm liên đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến, Lao động xuất sắc, được tặng nhiều giấy khen cấp huyện, tặng bằng khen cấp tỉnh, tặng cờ thi đua ngành giáo dục.

1. Về chức năng nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; Tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật.

Xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá hoặc theo yêu cầu tối thiểu đối với vùng đặc biệt khó khăn.

Phối hợp với gia đình trẻ em, tổ chức và cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

Thực hiện kiểm định chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Học sinh năm học 2023 - 2024

+ Năm học 2023-2024: 436 học sinh chia thành 16 nhóm lớp. Trong đó

Nhóm 25-36 tháng: 97 có 4 nhóm lớp

Mẫu giáo: 346 có 12 nhóm lớp

3. Việc chấp hành quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có

thẩm quyền về thu, quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí, quản lý đầu tư xây

dựng cơ bản các công trình đúng trình tự và đúng quy định.

*** Thuận lợi:**

Trường được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng Ủy ,UBND xã Quang Minh qua việc chỉ đạo trực tiếp của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện. Trường cũng được sự phối hợp của các ngành, đoàn thể trong và ngoài nhà trường, được lãnh đạo của Chi bộ;

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trường đủ về số lượng, biên chế để làm công tác quản lý, chuyên môn và giảng dạy. Trình độ chuyên môn trên chuẩn của giáo viên trường khá cao. Đa số cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trường đều nhiệt tình, tâm huyết với nghề, đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao;

Cơ sở vật chất của trường được đảm bảo. Trường có đủ phòng học, có đủ các phòng chức năng, khu hành chính; có sân chơi, bãi tập bằng phẳng, sạch sẽ; có nhà để xe, có khu nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh, có nguồn nước sạch để uống và dùng cho sinh hoạt hàng ngày. Sách giáo khoa, trang thiết bị đảm bảo đủ dùng cho học sinh và giáo viên;

*** Khó khăn – hạn chế:**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của nhà trường tuy có trình độ đạt chuẩn nhưng việc ứng dụng CNTT và ứng dụng phương pháp tiên tiến của số giáo viên chưa thực sự đồng đều và hiệu quả tốt.

Do cháu trong độ tuổi nhà trẻ ít và còn nhỏ nên việc huy động cháu ra nhóm lớp gặp nhiều khó khăn.

Trường thiếu các phòng chức năng nhà trường tận dụng khoảng trống sân trường làm khu trải nghiệm, nhà đa năng không đồng bộ hiện đại.

Diện tích khuôn viên của trường thôn Minh Tân xây dựng đã lâu khuôn viên chật hẹp không thuận tiện cho hoạt động của cô và trẻ.

Thiếu thiết bị, đồ dùng dạy hiện đại: Ti vi, điện nước xuống cấp sửa chữa thay thế nhiều không có kinh phí.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên của trường là 41 người, nữ: 39. Trong đó: Cán bộ quản lý: 03; Nữ: 03; Giáo viên: 31; Nữ: 31; Nhân viên: 07 gồm: Kế toán: 01; nữ: 1; Bảo vệ: 02; nam: 02; Cô nuôi: 04; nữ: 04

S T T	Nội dung	Trình độ đào tạo							Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
		Tổng số	TS	Th S	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	41	0	0	33	2	0	6	11	19	1	16	15	0	0
I	Giáo viên	31	0	0	29	2	0	0	11	17	0	16	15	0	0

II	Quản lý	3	0	0	3	0	0	0	0	2	1	3	0	0	0
	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	1	1	2	0	0	0
II I	Nhân viên	7	0	0	1	0	0	6	0	0	0	1	0	0	0
	Kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
	Cô nuôi	4	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0
	Bảo vệ	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	Kiên cố	
1	Phòng học kiên cố	16	2
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường		0
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)		5.627,3m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2.300	5,8
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	54	Chung
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	54	Chung
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	Mình Tân: 6 Trung tâm: 18	0,45 0,68
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	MT: 17 TT: 38,4	1,3 1,4
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>		0
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>		70
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	120	Chung
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	NTr:	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	- NT: 81/81 - 3T: 104/104 - 4T: 112/112 - 5T: 108/108	Dùng chung
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	6	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	Vi tính: 9 Máy chiếu: 1 Đàn 1	Dùng chung
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục	Loa máy: 18	Dùng chung

	khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	Ti vi: 17				
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	16	32	0.5	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm 2020. Hàng năm, nhà trường luôn củng cố, duy trì chất lượng giáo dục để đảm bảo hiệu quả về kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình từng năm.

Năm 2025, trường tiếp tục thực hiện hoàn thiện cơ sở vật chất điều chỉnh, bổ sung báo cáo tự đánh giá và thu thập minh chứng kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Tiến hành cải tiến chất lượng giáo dục theo nội dung tự đánh giá, đề nghị sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đánh giá tiếp tục công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU ĐỀ RA CHO NĂM HỌC 2024-2025

1. Kết quả năm học 2023- 2024:

Năm học 2023 - 2024 trường có 16 lớp với 436 học sinh. Nhà trường huy động học sinh đạt vượt chỉ tiêu so kế hoạch đề ra.

Cụ thể: MG 346/346 đạt 100%; Nhà trẻ 97/176 đạt 55%.

Xét học sinh hoàn thành chương trình khối mẫu giáo 5 tuổi tỷ lệ là 100%
100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày, được ăn bán trú, được phân tách đúng độ tuổi.

Tỷ lệ toàn trường: Bé chăm 98%, bé ngoan 96%, bé ngoan toàn diện 94%.

Trong đó:

Mẫu Giáo:

Tỷ lệ bé chăm đạt 98%; Tỷ lệ bé ngoan đạt 96%; Tỷ lệ bé ngoan toàn diện đạt 94%.

Kế hoạch năm học 2024-2025:

Nhà trẻ: 90/160 đạt 56,2%;

Mẫu giáo có 299/299 cháu đạt 100% trẻ trên địa bàn và có 10 cháu học nhờ.

Toàn trường: 399/459= 87%

Lớp	Phổ cập	Giao	%	Lớp	Phổ cập	Giao	%
NTA	34	20	58.8	4TA	31	31	100
NTB	34	20	58.8	4TB	32	32	100
NTC	35	20	57.1	4TC	29 + 1	29	100
NTD	35	19	54.2	4TD	28	28	100
NTE	22	11	50.0				
Tổng	160-NT	90	56,2	Tổng 4T	120-4T	121	100
3TA	27	27	100	5TA	31	31 + 3	100
3TB	24	24 + 2	100	5TB	32	32 + 1	100
3TC	18	18 + 1	100	5TC	30	30 + 2	100
3TD	17	17	100				
Tổng	86-3T	89	100	Tổng	93-5T	99	100

- 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày, được ăn bán trú, được phân tách đúng độ tuổi, được học nghiêm túc, chất lượng Chương trình GDMN. Không dạy trước chương trình.

- 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày, được ăn bán trú, được phân tách đúng độ tuổi, được học nghiêm túc, chất lượng Chương trình GDMN. Không dạy trước chương trình

- Tỷ lệ trẻ mẫu giáo: Bé chăm 96-98%, bé ngoan 95- 97%, bé ngoan toàn diện 94-96%.

- Nhà Trẻ: Tỷ lệ bé chăm đạt 95-97

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mã số	Quyết toán chi NSNN (năm tài chính n-1)	Chi NSNN	
					Dự toán	Thực hiện
	A	B		1	2	3
I	Chi thường xuyên ngân sách	Đồng	01			
1	Giáo dục mầm non	Đồng	02	4.317.746.000	5.886.306.000	5.886.306.000
1.1	Chia theo nguồn:			4.317.746.000	5.886.306.000	5.886.306.000
1.1.1	Nguồn NSNN	Đồng	03	4.317.746.000	5.886.306.000	5.886.306.000
1.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	Đồng	04	0	0	0
1.1.3	Nguồn khác	Đồng	05	0		
1.2	Chia theo nhóm chi:	Đồng		4.317.746.000	5.886.306.000	5.886.306.000
1.2.1	Chi thanh toán cá nhân	Đồng	06	3.194.527.400	5.167.208.000	5.167.208.000
1.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ, sửa chữa	Đồng	07	1.098.896.100	669.752.100	669.752.100

1.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	Đồng	08	2.240.000	5.148.000	5.148.000
1.2.4	Các khoản chi khác	Đồng	09	22.082.500	44.197.900	44.197.900
2	Nguồn thu khác (thu thỏa thuận năm học 2023-2024)	Đồng	10	2.791.016.015	2.791.016.015	2.791.016.015
2.1	Tiền ăn bán trú	Đồng	11	1.402.408.016	1.402.408.016	1.402.408.016
2.2	Chăm sóc phục vụ bán trú (trả công cô nuôi, trông trưa, quản lý)	Đồng	12	533.547.000	533.547.000	533.547.000
2.3	Vệ sinh	Đồng	13	44.996.300	44.996.300	44.996.300
2.4	Phụ phí(Chất đốt, điện, nước, tẩy rửa)	Đồng	14	152.290.300	152.290.300	152.290.300
2.5	Tiền mua đồ dùng đồ chơi và học liệu cho trẻ.	Đồng	15	103.685.222	103.685.222	103.685.222
2.6	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân trẻ	Đồng	16	15.636.600	15.636.600	15.636.600
2.7	Vận động tài trợ	Đồng	17	58.470.000	58.470.000	58.470.000
2.8	Lãi tiền gửi ngân hàng	Đồng	18			
2.9	Tiền học thêm hè 2024	Đồng	19	458.846.977	458.846.977	458.846.977
2.10	Tiền điện điều hoà	Đồng	20	16.405.300	16.405.300	16.405.300
2.11	Tiền nước uống	Đồng	21	4.730.300	4.730.300	4.730.300
3	Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức	Đồng	20	2.000.000	2.000.000	2.000.000
3.1	Chia theo nguồn:	Đồng				
3.1.1	Nguồn NSNN	Đồng	21	2.000.000	2.000.000	2.000.000
3.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	Đồng	22			
3.1.3	Nguồn khác	Đồng	23			
3.2.4	Các khoản chi khác	Triệu đồng	24			

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch định hướng cho việc thực hiện nhiệm vụ và triển khai đến cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, ban hành kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 phù hợp với điều kiện dạy học theo tình hình thực tế của nhà trường; Hướng dẫn giáo viên và học sinh thực hiện tốt chương trình dạy học và các quy định về đánh giá xếp loại để nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Về công tác phổ cập

Về công tác phổ cập giáo dục mầm non năm 2023, đơn vị đã được huyện

công nhận đạt mức độ 2. Xã được công nhận đạt phổ cập GDMNTE 5 tuổi.

Năm học 2023 – 2024 đơn vị tiếp tục duy trì thành quả trường đạt chuẩn quốc gia năm 2020. Từng bước hoàn thiện hơn nữa để tiếp tục đạt thành tích cao hơn và tái chuẩn vào năm 2025.

3. Kết quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non

3.1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Nhà trường luôn phân công bảo vệ trực và phối hợp tốt với công an xã nhằm đảm bảo an toàn trong trường học, phòng chống bạo lực học đường, chống xâm hại tình dục cho học sinh, tuyên truyền về phòng chống cháy nổ, về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn giao thông...

3.2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo tinh thần công văn 2345 của Bộ GD&ĐT theo chủ đề, chủ điểm từng tháng phù hợp với khung kế hoạch thời gian năm học. Thực hiện song song chương trình GDMN. Kế hoạch giáo dục được nhà trường xây dựng linh hoạt theo khung chương trình quy định và có chủ động điều chỉnh, bổ sung theo tình hình thực tế của đơn vị.

3.3. Triển khai giáo dục STEM

Năm học này trường khuyến khích giáo viên ứng dụng chương trình Stem vào giảng dạy. Giáo viên thực hiện áp dụng thí điểm chương trình Stem vào một vài hoạt động lồng ghép vào các tiết học, môn học. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, để có kết quả tốt nhất

3.4. Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

Thư viện trường đang ngày càng củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động thu hút giáo viên, phụ huynh và trẻ tham gia đọc sách, xem sách, sưu tầm, tra cứu tài liệu phục vụ công tác dạy – học.

3.5. Việc chuyển đổi số và UDCNTT trong giáo dục quản lí học sinh

*** Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.**

Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường đang chuyển biến mạnh mẽ, cán bộ quản lí, giáo viên và phụ huynh đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lí, giảng dạy và học tập. Thực hiện không dùng tiền mặt trong nhà trường. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí; thực hiện linh hoạt chế độ báo cáo nhanh bằng thư điện tử nhằm thu thập và quản lí thông tin kịp thời; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí.

*** Việc huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục**

Năm học 2023 – 2024, nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo địa phương và phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể ở địa phương như Trạm Y tế, công an, quân sự, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ xã, đặc biệt là tạo mối quan hệ tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức nhằm

huy động các nguồn lực về tài chính, các nguồn xã hội hóa cho nhà trường. Năm học vừa qua nhà trường đã cơ bản làm tốt về công tác xã hội hoá như vận động các nhà hảo tâm, các công ty doanh nghiệp. Tổng số tiền xã hội hội hóa được 88.000.000 đồng để làm nhà đa năng khu Minh Tân và mua 150m cỏ nhựa cho trẻ hoạt động khu trải nghiệm.

*** Công tác truyền thông**

Năm học 2023 - 2024, nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền như tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ huynh về công tác xã hội hóa giáo dục, về công tác quan tâm, chăm sóc, giáo dục học sinh. Nâng cao nhận thức cho học sinh về ý thức tự giác học tập, ý thức về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trên đây là báo cáo Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo của trường Mầm non Quang Minh./.

Nơi nhận:

- Trang Website trường;
- Lưu HS công khai.


Phạm Minh Lê